

Tập 164

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm năm mươi ba.

(Sao) Tấn Lực giả, Tấn Căn tăng trưởng, năng phá thân tâm chủng chủng giải đãi, thành biện xuất thế chủng chủng sự nghiệp cố.

(Diễn) Tấn Căn tăng trưởng giả, tiền tuy hữu Tấn Căn, nhược vị hữu lực, tắc vô thi lai bất tu Tam Học, Lục Độ, chủng chủng giải đãi chủng tử, do năng phát sanh, đọa xuất thế chủng chủng sự nghiệp. Kim đắc Tấn Lực, tắc tinh tấn mãnh tướng, năng phục giải đãi ma quân, thành biện Tam Học, Lục Độ chư sự nghiệp cố.

(鈔) 進力者，進根增長，能破身心種種懈怠，成辦出世種種事業故。

(演) 進根增長者，前雖有進根，若未有力，則無始來不修三學六度，種種懈怠種子，猶能發生，墮出世種種事業。今得進力，則精進猛將，能伏懈怠魔軍，成辦三學六度諸事業故。

(Sao: Tấn Lực: Tấn Căn tăng trưởng, có thể phá các thứ giải đãi nơi thân tâm, thành tựu các thứ sự nghiệp xuất thế.

Diễn: Tấn Căn tăng trưởng: Trước kia, tuy có Tấn Căn, nhưng nếu chẳng có Lực, ắt các thứ chủng tử giải đãi chẳng tu Tam Học, Lục Độ từ vô thi đến nay vẫn có thể phát sanh, [khiến cho] các thứ sự nghiệp xuất thế bị thoái đọa. Nay đắc Tấn Lực, ắt mãnh tướng tinh tấn có thể hàng phục ma quân giải đãi, thành tựu các sự nghiệp Tam Học, Lục Độ).

Tuyệt đại đa số các đồng tu đều đầy đủ Ngũ Căn; tuy có Căn, nhưng chẳng đắc Lực, vì sao? Đôi khi còn có khá nhiều phiền não hiện tiền, chẳng thể nghiêm túc tu học; đó là tuy có Căn, nhưng chẳng có Lực. Thông thường, Phật môn nói là “thiện căn”. “Người nào đó có thiện căn”, “*thiện căn*” là nói tới Ngũ Căn: Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ. Tuy có thiện căn, nhưng chúng ta thường thấy họ thoái chuyển. Thậm chí, lúc mới học, Phật môn thường nói: “*Bất thất sơ phát tâm, thành Phật hữu dư*” (Chẳng đánh mất cái tâm đã phát thủa đầu, thành Phật có thừa). Dũng mãnh, tinh tấn, nhưng Tấn chẳng được bao lâu liền giải đãi, thoái chuyển, thậm chí đọa lạc, nguyên nhân là gì? Có Căn, nhưng chẳng có Lực. Do vậy, có thể biết, nếu Căn chẳng đắc Lực, chẳng thể thành tựu. Vì sao Căn chẳng đắc Lực?

Có Căn, vì sao không thể tăng trưởng trở thành Ngũ Lực? Có quan hệ rất lớn với duyên: Chẳng gặp thiện tri thức, chẳng gặp thiện duyên. Tuy có Căn, gặp các ác duyên, người ấy liền bị thoái chuyển. Phàm các duyên khiến cho đạo nghiệp bị thoái chuyển, đều gọi là “*ác duyên*”. Ví như phát đại tâm, dũng mãnh, tinh tấn, thậm chí xuất gia, cũng giảng kinh, thuyết pháp, cuối cùng lui sụt, hoàn tục kết hôn, đó là “*ác duyên*”. Gặp ác tri thức, nói chẳng dễ nghe là gặp “oan gia đối đầu”, tục ngữ thường nói: “*Chẳng phải oan gia, chẳng gặp gỡ*”; gặp phải oan gia đối đầu! Chuyện này đã có kể từ thời Thích Ca Mâu Ni Phật, mỗi thời đại, mỗi xứ sở đều rất thường thấy. Chúng ta thấy rõ ràng, tuy người ấy có thiện căn, nhưng Căn ấy rất mỏng manh, chẳng có sức mạnh.

Trong chú giải đã định nghĩa rất rõ ràng, “*Tam Học, Lục Độ*”, Tam Học là Giới Học, Định Học, Huệ Học, chung cho Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa. Lục Độ là tiêu chuẩn tu hành của Bồ Tát. Nếu Tam Học, Lục Độ tăng trưởng, chứng tỏ Căn của người ấy có Lực. Tam Học, Lục Độ không thể tăng trưởng, [tức là] Căn ấy chẳng có Lực. Tấn chỉ giảng đến chỗ này, vì trong Ngũ Căn có Tấn, trong Ngũ Lực cũng có Tấn, Thất Bồ Đề Phần và Bát Thánh Đạo đều có Tấn, nhưng ý nghĩa khác nhau. Ở đây, Tấn hiểu theo nghĩa rộng là Tam Học, Lục Độ. Tấn trong Thất Bồ Đề Phần thì phải là Tinh Tấn, vì Thất Bồ Đề Phần có Trạch Pháp, chẳng phải là nói chung chung, mà là có [ý nghĩa] chuyên trì.

(Sao) Niệm Lực giả, Niệm Căn tăng trưởng, năng phá tà niệm, thành tựu nhất thiết xuất thế chánh niệm cố.

(鈔) 念力者，念根增長，能破邪念，成就一切出世正念故。

(Sao: Niệm Lực là Niệm Căn tăng trưởng, có thể phá tà niệm, thành tựu hết thảy chánh niệm xuất thế).

Niệm đặc lực, nói thật ra, chúng ta thường nói là công phu thật sự đặc lực, vì sao? Vọng niệm ít. Hiện thời, chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối vọng niệm toi bờ, tức là Niệm Căn chẳng đặc lực. Có rất nhiều đồng tu hết sức thẳng thắn, nói: “Tôi thật sự tin tưởng Tịnh Độ, nhưng vọng tưởng quá nhiều, càng niệm Phật, vọng tưởng càng nhiều. Niệm nhiều năm ngàn ấy, dường như cũng chẳng giảm bớt”. Đó là Niệm Căn chẳng đặc lực. Nếu Niệm Căn hữu lực, vọng niệm tự nhiên ít đi; chữ “*tà niệm*” được nói ở đây chỉ vọng niệm. Chuyện này hãy nên tu theo cách nào? Nói thật ra, chúng ta quá vô ý, quá sơ sót đối với xứ cảnh trước mắt; vì thế,

công phu chẳng sử dụng được. Ngũ Căn chẳng thể nhanh chóng nâng cao thành Ngũ Lực, chẳng biết sanh tử là chuyện lớn, chẳng biết vô thường nhanh chóng, chẳng biết lục đạo đáng sợ. Nếu con người có thể thường nghĩ đến những chuyện ấy, thừa cùng chư vị, mạng người quả thật hết sức mong manh. Nhất là trong xã hội hiện thời, chẳng biết tai nạn sẽ phát sanh lúc nào? Ai có thể bảo đảm “*năm nào cũng như ý, năm nào cũng bình an*”? Đó là một câu nói [có ý nghĩa chúc tụng] tốt lành, ai dám bảo đảm sẽ đạt được? Xét thế gian này, quý vị xem báo chí, nhật báo mỗi ngày, trên toàn thế giới, thời thời khắc khắc đều có tai nạn. Thấy những người ngộ nạn, lại nghĩ đến chính mình, một hơi thở ra không hít vào được nữa, sẽ như thế nào? Nhất là tai biến xảy ra liên tiếp như thế, chúng ta có phước báo to cỡ nào mà hồng may mắn thoát khỏi? Nếu có tâm cảnh giác như vậy, Ngũ Căn cũng rất dễ dàng tăng cao, có sức mạnh, Niệm bèn có Lực. Tấn chẳng có Lực, Niệm chẳng có Lực, là do đối với cảnh giới trước mắt coi nhẹ, xem thường. Lời chú giải có nói: “*Thế gian ngũ dục lục trần tà niệm do vị tận trừ*” (Hãy còn chưa trừ sạch ngũ dục, lục trần thế gian), nên chánh niệm không thể hiện tiền. Niệm Căn ắt phải có sức mạnh, vọng tưởng tạp niệm ít ỏi, công phu tu học của quý vị bèn đắc Lực. Vì Ngũ Căn và Ngũ Lực chung cho Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa Phật pháp, chung cho hết thảy các pháp môn; ở đây chỉ nói một nguyên tắc, nguyên tắc ấy dùng chung cho cả Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa Phật pháp.

(Sao) Định Lực giả, Định Căn tăng trưởng, năng phá nhất thiết chư tạp loạn tưởng, phát khởi sự lý chư Thiền Định cố.

(鈔) 定力者，定根增長，能破一切諸雜亂想，發起事理諸禪定故。

(Sao: Định Lực: Định Căn tăng trưởng, có thể phá hết thảy các tạp loạn tưởng, phát khởi các thứ Thiền Định Sự và Lý).

Nói thật ra, Niệm Lực là tiền phương tiện của Định Lực, trước hết, nhất định là Niệm đắc lực, sau đó bèn có Định. Định Lực có thể phá hết thảy vọng tưởng tạp loạn, khiến cho tâm quý vị có thể đắc Định. Nói theo Ngũ Thừa Phật pháp là Tứ Thiền, Bát Định, nói theo Nhị Thừa là Cửu Thứ Đệ Định, người ấy có thể đạt được. Câu “*Tứ Thiền, Bát Định, Cửu Thứ Đệ Định, mười sáu pháp thù thắng đặc biệt v.v...*” là nói về công phu Thiền Định. Thấu hiểu điều này chẳng khó. Trong thế gian hiện thời, phong khí học Thiền rất thịnh; nếu có người đến mời mọc, bản thân chúng ta phải nghiêm túc phản tỉnh một phen, [chính mình] có phải là căn khí

học Thiền hay không? Phải là căn khí như thế nào thì mới có thể học Thiền? Tâm địa rất thanh tịnh, vọng tưởng tạp niệm rất ít, người ấy có thể học Thiền. Nếu vọng tưởng tạp niệm rất nhiều, tâm chẳng dễ định được, thường bị ảnh hưởng bởi cảnh giới bên ngoài; nói cách khác, quý vị học Thiền chắc chắn chẳng thể thành công. Có phải là căn khí Thiền hay không? Chẳng cần hỏi người khác, chính mình rất rõ ràng. Do vậy, có thể biết, căn khí được nhiếp thọ bởi Thiền Tông chẳng rộng lớn như Tịnh Tông. [Căn khí] nào chẳng thể nhiếp thọ bởi Thiền Tông, Tịnh Độ Tông sẽ có thể nhiếp thọ. Đây là chỗ đặc biệt thù thắng của Tịnh Độ, mà cũng là lý do khiến cho hết thầy chú Phật tán thán pháp môn này; đạo lý ở ngay chỗ này.

(Diễn) Hựu bất minh Đế Lý, dẫn đắc thế gian Thiền, danh viết Sự Thiền.

(演) 又不明諦理，但得世間禪，名曰事禪。

(Diễn: Lại chẳng hiểu rõ Đế Lý, chỉ đắc thế gian Thiền, bèn gọi là Sự Thiền).

Người ấy chẳng hiểu nghĩa thú Phật pháp rất sâu, vọng tưởng ít, tạp niệm ít, Định do người ấy học là Thiền Định thế gian, là Sự Thiền. Sự Thiền cao nhất chỉ có thể đạt đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiền, chẳng thoát khỏi tam giới. Nói cách khác, Định của người ấy chỉ thuộc trong Tứ Thiền Bát Định, chẳng thể tiến cao hơn.

(Diễn) Thâm minh Đế Lý, đắc xuất thế gian Thiền, cập xuất thế thượng thượng Thiền, danh viết Lý Thiền.

(演) 深明諦理，得出世間禪，及出世上上禪，名曰理禪。

(Diễn: Hiểu sâu Đế Lý, đắc xuất thế gian Thiền, và xuất thế thượng thượng Thiền, thì gọi là Lý Thiền).

“Thâm minh Đế Lý”: “Đế” là Tứ Đế, tức là đạo lý trong pháp Tiểu Thừa. “Lý” là lý luận Đại Thừa. Phật pháp Đại Thừa và Tiểu Thừa đều được bao gồm trong hai chữ Đế Lý. “Đắc xuất thế gian Thiền, cập xuất thế thượng thượng Thiền”. Xuất thế gian Thiền là Cửu Thứ Đệ Định của Thanh Văn, Duyên Giác, xuất thế gian thượng thượng Thiền là vô lượng tam-muội, Hoa Nghiêm tam-muội, Lăng Nghiêm đại định... những thứ ấy. Đó là sở chứng của chư Phật Như Lai, “danh viết Lý Thiền” (gọi là Lý

Thiền). Vì thế, chẳng thể không biết Phật pháp. Nếu chẳng thông đạt lý luận, đích xác là có chướng ngại. Nhất định phải hiểu Lý, để hiểu Lý thì phải đọc kinh. Vì thế, đọc kinh vô cùng trọng yếu. Nghiên cứu, thảo luận có thể giúp chúng ta khơi mở Hậu Đắc Trí, đọc kinh nhằm bồi dưỡng Căn Bản Trí. Phải đọc tụng một thời gian dài, đọc đến mức tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, giác chứ không mê.

Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác hay lắm. “*Đại Thừa*” là giáo, chẳng phải là Tiểu Thừa, “*Vô Lượng Thọ*” là Lý, là bản thể, tức bản thể của Chân Như bốn tánh. “*Trang Nghiêm*” là tướng, “*Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác*” là tác dụng. Học Phật là học những điều ấy, học tâm thanh tịnh, tâm địa bình đẳng, giác chứ không mê. Vì thế, bộ kinh ấy là tinh túy của toàn thể Phật pháp, đạt được bộ kinh này là đạt được toàn thể Phật pháp, nay chúng ta vì sao không thể khẳng khái nhất quyết niệm bộ kinh này, vẫn cứ muốn xem thứ này, xem thứ nọ? Đó là có Căn nhưng chẳng có Lực, vẫn bị dao động bởi cảnh giới bên ngoài. Truy cứu nguyên nhân thì là vì chẳng nhận biết Phật pháp rõ ràng. Nếu thật sự nhận biết rõ ràng, tâm sẽ định. Người ấy có Niệm Lực, có Định Lực, định nơi pháp môn này, chẳng bị ngoại cảnh lay chuyển, như vậy thì chính mình mới có thể thành tựu. Chính mình không thành tựu, mà muốn hóa độ chúng sanh, giúp đỡ người khác, chắc chắn chẳng thể làm được!

“*Thác hạ nhất cá tự chuyển ngữ, đọa ngữ bách thể dã hồ thân*” (Nói sai một chữ chuyển ngữ, đọa làm thân chồn hoang năm trăm đời). Có một đồng tu hỏi: Hai câu “*bất lạc nhân quả, bất muội nhân quả*” có nghĩa là gì? Đây là công án Bách Trượng đại sư trong Thiền Tông, nói sai một chữ, đọa làm thân chồn hoang năm trăm đời. Nếu chính mình chẳng khai ngộ, khó tránh nói sai; do vậy, muốn độ người khác, phải độ chính mình trước. Độ người khác cần phải có Hậu Đắc Trí, độ chính mình cần đến Căn Bản Trí, [do đó] mới hiểu tầm trọng yếu của Căn Bản Trí. Tuy có thể đồng thời dốc sức nơi Căn Bản Trí và Hậu Đắc Trí, nhưng có phân biệt chủ và khách, chánh và trợ. Căn Bản Trí là chủ tu, là chánh tu, chúng ta chọn lựa phương pháp đọc tụng. Trong các buổi giảng, tôi thường nhắc nhở các đồng tu, dùng tâm thanh tịnh, dùng tâm bình đẳng, dùng tâm chân thành, dùng tâm cung kính để đọc tụng, chẳng cần cầu hiểu nghĩa, đó là cầu Căn Bản Trí. Đọc tụng như vậy, Tam Học, Lục Độ đều ở trong đó, toàn bộ đều bao gồm, rất trọng yếu! Nghiên cứu chú giải, đồng tham đạo hữu cùng nhau nghiên cứu, thảo luận, đó là Hậu Đắc Trí. Mỗi tuần dành ra một hai lần là đủ rồi, mỗi lần là một hai tiếng đồng hồ.

Huân luyện Căn Bản Trí mỗi ngày, chớ nên gián đoạn. Các đồng tu tại gia công việc rất bận bịu, mỗi ngày tối thiểu có thời gian một tiếng đồng hồ để nghiêm túc thực hiện. Trong một giờ ấy, dùng tâm chân thành, buông hết thấy sự vụ xuống, khiến cho tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, chân thành, cung kính, dùng một giờ để đọc kinh. Nếu kinh niệm thuần thực, một giờ một bộ đã đủ rồi. Người xuất gia mỗi ngày tối thiểu phải niệm hai, ba tiếng trở lên, vì quý vị xuất gia, phát tâm chuyên tu, chẳng giống như người tại gia công việc bận bịu ngàn ấy. Vì thế, mỗi ngày tối thiểu phải niệm từ hai bộ đến ba bộ. Chuyện này chẳng giống cách đọc sách trong thế gian; sử dụng phương pháp này để tu thanh tịnh, bình đẳng, chân thành, cung kính, đó gọi là tu Căn Bản Trí. Khi niệm kinh, chớ nên dấy vọng tưởng. Hễ khởi vọng tưởng, dấy động ý niệm: “Câu kinh này có ý nghĩa gì?” Tức là bốn điều ấy đều chẳng có. Tam Học, Lục Độ, chân thành, cung kính, thanh tịnh, bình đẳng hoàn toàn chẳng có, sai mất rồi, đã biến sự tu hành trong Phật pháp thành cách đọc tụng trong pháp thế gian, biến thành đọc sách thế gian. Do đó, nhà Phật nói đến đọc tụng thì đó là một thứ phương pháp tu hành, hoàn toàn khác với niệm kinh thông thường, công phu mỗi ngày đều chẳng thể gián đoạn. Hành mãi như thế, huân luyện trong nửa năm hay một năm, tâm bèn thanh tịnh. Tâm thanh tịnh có thể sanh trí huệ, sau đây, quý vị mới niệm câu Phật hiệu, đó là Lý niệm, chẳng phải là Sự niệm. Lý niệm đặc Niệm Phật tam-muội, đặc nhất tâm bất loạn, so với việc chỉ hành Sự Trì sẽ nhanh chóng hơn rất nhiều!

(Diễn) Hựu Tiểu Thừa duyên Không trực nhập, nãi chí viên nhân trực tâm chánh niệm Chân Như, danh viết Lý Thiền. Tiểu Thừa đối sự kiêm tu, nãi chí viên nhân tùng hạnh thác sự phụ pháp, tam chủng quán pháp, giai Sự Lý kiêm tu, danh viết Sự Lý Thiền, chủng chủng bất nhất, cố vân “chư” dã.

(演) 又小乘緣空直入，乃至圓人直心正念真如，名曰理禪。小乘帶事兼修，乃至圓人從行託事附法，三種觀法，皆事理兼修，名曰事理禪。種種不一，故云諸也。

(Diễn: Lại nữa, Tiểu Thừa duyên theo Không để tiến nhập trực tiếp, cho đến người căn cơ viên mãn dùng trực tâm chánh niệm Chân Như thì gọi là Lý Thiền. Tiểu Thừa tu kèm thêm Sự, cho đến người căn cơ viên đốn, từ hạnh nhờ vào Sự để hỗ trợ Phật pháp. Ba thứ quán pháp đều là Lý và Sự cùng tu, nên gọi là Sự Lý Thiền. Các thứ khác nhau, nên nói là “các”).

Thiền vô lượng vô biên. Ở đây, cũng chỉ có thể dùng phương pháp quy nạp, quy nạp [vô lượng vô biên môn Thiền] thành ba loại: Sự Thiền, Lý Thiền, và Sự Lý Thiền. Trong Thiền có Lý và Sự, ở đây nói cũng khá dễ hiểu. “*Tiểu Thừa*” chỉ Thanh Văn, bao gồm Duyên Giác. “*Nãi chí viên nhân*” là nói về Bồ Tát. Bồ Tát có Thông Giáo Bồ Tát, Biệt Giáo Bồ Tát, và Viên Giáo Bồ Tát; Tạng Giáo là thuộc loại Tiểu Thừa. Dùng chữ “*nãi chí*” nhằm tinh lược Thông Giáo và Biệt Giáo. Có thể nói: Căn tánh khác nhau, phương pháp tu hành khác nhau, lý luận để căn cứ cũng khác nhau, nhưng đều gọi là Lý Thiền. Chúng ta có thể hiểu rõ, thông đạt lý luận của Tịnh Tông, có thể đoạn nghi sanh tín thì một câu A Di Đà Phật là Lý Thiền. Tịnh Độ Tông không gọi là Thiền, mà gọi là Lý Trì và Sự Trì, [Trì là] trì danh niệm Phật. Thật sự đắc Thiền Định, chúng ta gọi nó là Niệm Phật tam-muội. Niệm Phật tam-muội là Thiền Định, nhất tâm bất loạn là Thiền Định sâu hơn một tầng. Danh từ Niệm Phật tam-muội có hàm nghĩa hết sức rộng rãi. Sự nhất tâm, Lý nhất tâm đều bao gồm trong ấy; từ công phu thành phiền cho đến Lý nhất tâm bất loạn, đều gọi là Niệm Phật tam-muội. Nói công phu thành phiền, Sự nhất tâm, Lý nhất tâm tức là những danh xưng chỉ công phu Niệm Phật tam-muội cạn hay sâu khác nhau. Tiểu Thừa có “*đới Sự kiêm tu*” (tu kèm thêm Sự), A La Hán và Bích Chi Phật thường hiển thị phương pháp tu hành ấy. Đại Thừa Bồ Tát càng tự tại hơn, tình hình ấy càng nhiều.

“*Tùng hạnh thác sự phụ pháp*”: Câu này thường được pháp Đại Thừa nói là “*lịch sự luyện tâm*” (trải qua sự việc để luyện tâm). Họ học Định Huệ ở chỗ nào? Ngay trong cuộc sống hằng ngày, trong xử sự, đãi người, tiếp vật, tu Thiền, tu Định, tu Huệ trong ấy. Cụ thể nhất là năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử. Năm mươi ba vị thiện tri thức, đủ các ngành nghề, nam, nữ, già, trẻ, đều tu Thiền Định rất sâu, nhưng họ chẳng vứt bỏ cuộc sống, cũng chẳng trở ngại sự nghiệp. Không chỉ chẳng trở ngại sự nghiệp và cuộc sống, mà còn sống mỹ mãn, sự nghiệp tăng tấn. Vì thế, Đại Thừa Phật pháp, đặc biệt là Đại Thừa Viên Giáo, Hoa Nghiêm là Đại Thừa Viên Giáo, là phương pháp tu hành cao nhất trong Phật pháp, hoàn toàn dung hợp thành một với cuộc sống. “*Sự*” là hết thấy các sự nghiệp trong thế gian, “*pháp*” là Phật pháp. Phật pháp và hết thấy sự trong thế gian dung hợp thành một Thể, đó gọi là “*có pháp nào chẳng phải là Phật pháp?*”. “*Viên nhân sở thuyết, pháp pháp giai như, pháp pháp giai thị*” (Người viên mãn nói pháp, pháp nào cũng đều Như, pháp nào cũng đều đúng). Chẳng có một pháp nào không phải là

Phật pháp. Nói kiêu này, sợ mọi người hiểu lầm, biến thành Ác Thủ Không, khuyết điểm sẽ trở thành quá lớn. Do đó, quyết định chớ nên hiểu lầm chỗ này!

“Pháp nào cũng đều là Phật pháp”, Phật pháp là gì? Kinh Bát Nhã đã nói một câu trọn hết, Phật pháp là *“vô sở đắc”*, *“vô trí, mà cũng vô đắc”*. Trong hết thấy các pháp, Viên Giáo Bồ Tát biết các pháp đều là Không, các pháp đều vô sở đắc, nên trong hết thấy các pháp, chẳng có mảy may phân biệt, chấp trước nào. Trong hết thấy các pháp, các Ngài hiển thị tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, chân thành đến cùng cực. Chẳng như Tiểu Thừa và Biệt Giáo Bồ Tát phải rời khỏi pháp thì tâm mới thanh tịnh, Viên Giáo không cần rời khỏi. Vì sao không cần rời khỏi? *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*, cần gì phải lìa? *“Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”*, *“ngay nơi bản thể chính là Không, ngay nơi tướng chính là Đạo”*, đó là *“viên nhân”*. Viên nhân tu hành đúng là tự tại, vui sướng, vô chướng, vô ngại. Nếu chúng ta chẳng phải là hạng người căn tánh viên đốn, sẽ chẳng học được, vì sao? Người ấy vô ngại trong cảnh giới, chúng ta chẳng phải là căn tánh ấy, quyết định bị chướng ngại trong cảnh giới. Ở đây, chúng ta phải tự mình nghiêm túc phản tỉnh, chúng ta là căn tánh gì? Phải nên học theo tiêu chuẩn nào? Căn tánh viên đốn đương nhiên học theo tiêu chuẩn của năm mươi ba vị thiện tri thức trong kinh Hoa Nghiêm, thành tựu mau chóng! Nếu là căn tánh Biệt Giáo, không thể học theo tiêu chuẩn ấy, mà dùng tiêu chuẩn gì? Tiêu chuẩn của Phạm Võng Bồ Tát Giới. Phạm Võng Bồ Tát Giới là Biệt Giáo, hoặc là kinh luận Duy Thức, đặc biệt là Duy Thức Luận, Thành Duy Thức Luận cũng thuộc loại Biệt Giáo. Vì vậy, nhất định phải nhận rõ căn tánh của chính mình, chọn lựa một phương pháp nào có lợi ích chân thật cho chính mình. Chọn sai, sẽ chẳng được lợi ích. Nếu căn tánh Biệt Giáo mà chọn Viên Giáo, sẽ hết sức tệ, sẽ bị đọa lạc, sẽ tạo rất nhiều tội nghiệp. Nếu căn tánh Viên Giáo mà chọn pháp Biệt Giáo, tuy chẳng bị đọa lạc, nhưng tiến bộ rất chậm. Vì lẽ đó, chọn lựa pháp phải khế cơ; Cơ là căn cơ của chính chúng ta. [Pháp môn] phù hợp căn cơ của chính mình sẽ học nhanh chóng, học rất thuận lợi.

(Sao) Huệ Lực giả, Huệ Căn tăng trưởng, năng phá nhất thiết tà ngoại đẳng kiến, năng đoạn nhất thiết thiên tiểu đẳng chấp cố.

(鈔) 慧力者，慧根增長，能破一切邪外等見，能斷一切偏小等執故。

(Sao: Huệ Lực là Huệ Căn tăng trưởng, có thể phá hết thấy các kiến giải tà vạy, ngoại đạo, có thể đoạn hết thấy những chấp trước Thiên, Tiểu v.v...).

Huệ Căn có sức mạnh, hình dạng của nó cũng là tác dụng của nó. Nó có năng lực phân biệt tà, chánh, có năng lực phá trừ chấp trước của chính mình. Nói thật ra, tu học trong Phật pháp từ đầu tới cuối, “đầu” là mới phát tâm, “cuối” là thành Phật đạo, tu gì? Phá chấp trước mà thôi. Do phá Nhân Ngã Chấp, bèn chứng A La Hán; phá Pháp Ngã Chấp, bèn là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo đã thành Phật, có thể giống như ba mươi hai ứng thân được nói trong phẩm Phổ Môn hay chương Quán Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm, nên dùng thân Phật để độ kẻ khác bèn có thể hiện ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo. Nhà Thiền nói “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”, Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giáo đã kiến tánh, phá một phẩm vô minh, thấy một phần bốn tánh. Chỉ cần thấy một phần bốn tánh, bèn có năng lực dùng ba mươi hai tướng, có năng lực Phổ Môn Thị Hiện giống như Quán Âm Bồ Tát. Trong hội Lăng Nghiêm, Quán Âm Bồ Tát thị hiện thân phận Sơ Trụ trong Viên Giáo. Trong kinh Hoa Nghiêm, Quán Âm Bồ Tát thị hiện Đệ Thất Hồi Hướng trong Viên Giáo. Trong kinh Pháp Hoa, Ngài thị hiện Đăng Giác Bồ Tát của Viên Giáo. Có thể thấy trong mỗi pháp hội, Bồ Tát có thân phận khác nhau. Đó là sức mạnh của Huệ Căn, nó khởi ra tác dụng ấy.

Do vậy, có thể biết: Chúng ta chẳng có năng lực phân biệt hết thấy các pháp tà - chánh, chẳng có năng lực đoạn phiền não, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chính mình, đều do Huệ Căn chẳng có sức mạnh. Đọc kinh nhiều, nghe giảng cũng lắm, biết có những điều này, nhưng chính mình chẳng đạt được, là vì chẳng có sức mạnh. Ất phải có sức, tức là nói bình thường chúng ta công phu đắc lực, khi nào công phu sẽ đắc lực? Ngũ Căn đều có lực, công phu bèn đắc lực. Khi Ngũ Căn chẳng đắc lực, đích xác là công phu của chúng ta hời hợt. Hãy suy nghĩ, chúng ta học Phật đã lâu đường ấy, có thành tựu gì? Có thể đưa một thành tích biểu khả quan hay không? Nếu chẳng đưa thành tích biểu ra được, tức là chẳng đắc lực! Công phu đắc lực, sẽ có thể đưa ra thành tích biểu. Tiếp theo đây là Thất Bồ Đề Phần (Sapta Bodhyanga), đây là khoa thứ sáu trong Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm:

(Sớ) Thất Bồ Đề Phần giả, tức Thất Giác Chi.

(疏) 七菩提分者，即七覺支。

(Sớ: Thất Bồ Đề Phần chính là Thất Giác Chi).

“Bồ Đề” (Bodhi) là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Giác. “Phần” là chia thành nhánh. Bảy điều được nói ở đây đều là trí huệ khởi tác dụng.

(Sớ) Diệc diêu tiền Căn, Lực, đắc thử Huệ dụng.

(疏) 亦繇前根力，得此慧用。

(Sớ: Cũng là do Căn và Lực trên đây mà đạt được tác dụng này của Huệ).

Do vậy, có thể biết: Chẳng có Căn và Lực, Thất Bồ Đề Phần tuyệt đối chẳng thể dùng được. Điều thứ nhất trong Thất Bồ Đề Phần là Trạch Pháp. Chẳng có trí huệ, quý vị làm sao có thể chọn lựa pháp môn cho được? Chọn lựa pháp môn phải cậy vào trí huệ. Trí huệ có lớn, nhỏ, cạn, sâu, thiên, viên khác nhau, quý vị quyết trạch (chọn lựa, quyết định) pháp môn sẽ khác nhau, tùy thuộc quý vị chọn lựa pháp gì trong biển cả Phật pháp?

(Sớ) Vị nhất Niệm, nhị Trạch Pháp, tam Tinh Tấn, tứ Hỷ, ngũ Y, lục Định, thất Xả. Nhất vân: Nhất, Trạch Pháp, nhị Tinh Tấn, tam Hỷ, tứ Trừ, ngũ Xả, lục Định, thất Niệm. Kim y hậu thích.

(疏) 謂一念，二擇法，三精進，四喜，五猗，六定，七捨。一云：一擇法，二精進，三喜，四除，五捨，六定，七念。今依後釋。

(Sớ: Nghĩa là: Một là Niệm, hai là Trạch Pháp, ba là Tinh Tấn, bốn là Hỷ, năm là Y, sáu là Định, bảy là Xả. Một thuyết khác nói là: Một là Trạch Pháp, hai là Tinh Tấn, ba là Hỷ, bốn là Trừ, năm là Xả, sáu là Định, bảy là Niệm. Nay dựa theo thuyết sau để giải thích).

Ở đây, Liên Trì đại sư giải thích theo thuyết sau. Hai cách nói ấy đều xuất phát từ kinh điển, thuyết sau dễ hiểu, có thể hiểu rõ dễ dàng!

(Diễn) Thất Giác tự thể, tức Trạch Pháp đẳng, thử chi vi Dụng, vị đoạn kiến đạo chư tà kiến cố.

(演)七覺自體，即擇法等，此之為用，為斷見道諸邪見故。

(Diễn: Tự thể của Thất Giác chính là Trạch Pháp v.v... những thứ ấy là Dụng, nhằm đoạn các tà kiến [ngăn chướng] kiến đạo).

Địa vị Kiến Đạo của Tiểu Thừa là quả Tu Đà Hoàn, địa vị Kiến Đạo của Đại Thừa là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác. Cảnh giới trong kinh Kim Cang là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác. [Cảnh giới trong] Đại Thừa Khởi Tín Luận cũng là Sơ Trụ trong Viên Giác. Trong chương Hai Mươi Lăm Pháp Viên Thông của kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm, hai mươi lăm vị Bồ Tát biến diễn đều là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác. Quý vị biết sử dụng những pháp ấy, sẽ dễ dàng chứng đắc địa vị Kiến Đạo. Dưới đây là giới thiệu từng điều; trước hết là giới thiệu danh tướng Thất Giác Chi:

(Sao) Giác Chi giả, Giác tức Bồ Đề, Chi tức thị Phần, vị phần phần tùy nghi nhi dụng dã.

(鈔) 覺支者，覺即菩提，支即是分，謂分分隨宜而用也。

(Sao: Giác Chi: Giác tức là Bồ Đề, Chi là Phần, ý nói mỗi phần tùy nghi sử dụng).

Thất Giác Chi còn gọi là Thất Bồ Đề Phần. “Phần phần tùy nghi nhi dụng”, bảy điều ấy có thể dùng riêng lẻ, hoặc có thể hợp hai điều để dùng, cũng có thể gộp ba điều lại để dùng, tùy thuộc chính mình ở trong tình huống nào, cần dùng điều nào bèn dùng điều ấy, nhằm mục đích giúp quý vị kiên đạo. Nói cách khác, giúp quý vị đoạn Hoặc, chứng Chân.

(Sao) Diêu tiền giả, Du Già vân: “Chư dĩ chứng nhập chánh vị giả, như thật giác huệ”.

(Diễn) Chư dĩ chứng nhập chánh vị giả, chánh vị tức chánh tánh, dĩ do tiền Căn Lực, năng phá nhất thiết kiến chấp, bất đoạn đoạn thường, giác pháp chánh tánh. Chánh tánh giả, tức Tứ Đế như thật tánh.

(鈔) 繇前者，瑜伽云：諸已證入正位者，如實覺慧。

(演)諸已證入正位者，正位即正性，以由前根力，能破一切見執，不墮斷常，覺法正性。正性者，即四諦如實性。

(Sao: “Do các pháp [Căn và Lực] trên đây”: Luận Du Già chép: “Những người đã chứng nhập chánh vị, giác huệ như thật”).

Diễn: “Những người đã chứng nhập chánh vị”: Chánh vị là chánh tánh. Do các Căn và Lực trên đây có thể phá hết thấy kiến chấp, chẳng đọa trong Đoạn hay Thường, giác pháp chánh tánh. Chánh tánh chính là tánh như thật của Tứ Đế).

“*Năng phá nhất thiết kiến chấp*” (Có thể phá hết thấy kiến chấp), nó có năng lực phá trừ những chấp trước nơi kiến giải của quý vị. “*Bất đọa đoạn thường*” (Chẳng đọa đoạn, thường), chẳng chấp trước Thường Kiến và Đoạn Kiến. “*Giác pháp chánh tánh*” (Giác ngộ chánh tánh của các pháp), chánh tánh là gì? Chánh tánh chính là tánh như thật của Tứ Đế. Đây cũng là lý luận do đức Phật đã giảng, quý vị có thể thật sự thông đạt, hiểu rõ. Pháp Tứ Đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo, là hai tầng nhân quả thế gian và xuất thế gian. Khổ và Tập là nhân quả thế gian. Diệt và Đạo là nhân quả xuất thế gian. Quý vị thật sự thông đạt, hiểu rõ, sẽ chẳng chấp trước Đoạn Kiến, cũng chẳng chấp trước Thường Kiến. Đoạn Kiến là gì? Nêu tỷ dụ, người có kiến giải như thế này rất nhiều: Người chết thì hết thấy đều hết chuyện, chẳng tin có đời sau, chẳng tin có luân hồi, ngỡ con người chỉ có một đời này. Vì thế, vì cầu sự hưởng thụ cho chính mình trong một đời này, mà chẳng ngại chọn lựa bất cứ thủ đoạn nào, chẳng tin có đời sau. Đó gọi là Đoạn Kiến. Thường Kiến là gì? Cho rằng người đã chết, hai mươi năm sau lại là một trang hảo hán, cũng có nghĩa là [tin rằng] con người sau khi đã chết [đầu thai vào] đời sau vẫn là người. Chó đã chết, đời sau vẫn làm chó, vĩnh viễn chẳng biến đổi. Đó là Thường Kiến. Hai thứ kiến giải ấy đều là sai lầm.

Đức Phật giảng pháp Tứ Đế, Khổ và Tập là nguyên lý luân hồi trong lục đạo khắp ba đời. Người đã chết có đời sau, đời sau chẳng nhất định làm người; chó đã chết cũng có đời sau, đời sau không nhất định là chó. Nó cũng có thể thành người, cũng có thể sanh lên trời. Người đã chết cũng có thể sanh lên trời, cũng có thể đọa trong ba ác đạo. Luân hồi trong lục đạo, ai làm chúa tể? Luân hồi trong lục đạo, quý vị là chúa tể của chính mình. Không chỉ là lục đạo, mà cát hung họa phúc chúng ta gặp gỡ trong đời này đều do chính mình làm chúa tể. Do đó, vận mạng có thể sửa đổi

hay không? Có thể sửa, vì là chính mình là chúa tể. Ai sửa? Phải do chính mình sửa. Bất luận kẻ nào cũng không có sức mạnh sửa đổi vận mạng của quý vị, quý vị phải biết điều này! Vì sao? Vận mạng do chính quý vị tạo, vẫn phải do chính quý vị sửa. Vận mạng của quý vị chẳng do kẻ khác tạo. Nếu do kẻ khác tạo, đương nhiên người khác có thể sửa đổi. Nhưng chẳng do ai khác tạo, mà do chính mình tạo; dầu Phật, Bồ Tát thần thông rộng lớn cỡ nào, trí huệ viên mãn đến mấy đi nữa, vẫn chẳng thể thay đổi cho chúng ta.

Cụ Kim Sơn (San Francisco) động đất, Phật, Bồ Tát cũng chẳng làm sao được! Ngày hôm qua, xảy ra tai nạn phi cơ, Phật, Bồ Tát có thấy hay không? Thấy! Chẳng có lẽ nào không thấy! Có cách nào sửa đổi hay không? Chẳng có cách nào! Chúng sanh có nghiệp lực của chính mình. Sức mạnh gì có thể sửa đổi? Sức mạnh của chính mình có thể sửa. Phật dạy chúng ta lý luận, chân tướng sự thật ấy. Có rất nhiều người nương theo lý luận và phương pháp do đức Phật đã giảng để sửa đổi vận mạng của chính mình. Viên Liễu Phàm đã đem chuyện của chính mình viết thành một cuốn sách nhỏ lưu thông, mọi người đều biết. Còn có rất nhiều người chẳng viết, chẳng tuyên bố với mọi người, rất nhiều! Tôi đích thân trông thấy mười mấy người, những người ấy hãy còn sống, xác thực đã sửa đổi vận mạng của chính mình. Vì lẽ đó, quý vị phải tin tưởng! “*Chánh tánh*” được nói ở đây chính là “*Tứ Đế như thật tánh*”. Nói theo cách bây giờ, sẽ là chân lý, sự lý thực tại, quý vị phải tin tưởng.

(Diễn) *Tức dụng thử như thật giác huệ, dĩ vi Chi Phần, hợp nghi tác dụng dã.*

(演) 即用此如實覺慧，以為支分，合宜則用也。

(Diễn: *Tức là dùng giác huệ như thật ấy làm Chi Phần, hể thích hợp bèn sử dụng*).

Thích hợp bèn có thể dùng, tùy thời có thể dùng nó.

(Diễn) *Tức Tứ Đế như thật tánh giả, tánh tức Khổ vi bức bách tánh, Tập vi chiêu cảm tánh đẳng.*

(演) 即四諦如實性者，性即苦為逼迫性，集為招感性等。

(Diễn: “*Tức là tánh như thật của Tứ Đế*”: Tánh chính là Khổ có tánh chất bức bách, Tập có tánh chất chiêu cảm v.v...).

“*Tánh*” là tánh chất. “*Khổ*” là bức bách, thân tâm đều chẳng tự tại, thân tâm bất an, đó là Khổ. “*Tập*” là mê hoặc tạo nghiệp, chính mình chiêu cảm khổ báo.

(Diễn) *Như thật, tức thị Sanh Diệt, Vô Sanh, Vô Lượng, Vô Tác. Thử tứ các xưng đương giáo chi lý, danh viết “như thật”.*

(演) 如實，即是生滅、無生、無量、無作。此四各稱當教之理，名曰如實。

(Diễn: “*Như thật*” tức là Sanh Diệt, Vô Sanh, Vô Lượng, Vô Tác. Bốn điều này, mỗi điều đều có thể là lý của một giáo tương ứng, nên gọi là “*như thật*”).

“*Sanh Diệt, Vô Sanh, Vô Lượng, Vô Tác*”, là nói tới bốn loại Tứ Đế, bao gồm toàn thể Phật pháp. Thiên Thai Trí Giả đại sư giảng khoa Tứ Niệm Xứ trong Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm, “*quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã*”, bốn câu gồm mười sáu chữ, tác phẩm của Ngài dày như thế, gồm có bốn quyển để giải thích bốn câu ấy. Quyển thứ nhất trong bốn quyển nhằm giảng về Sanh Diệt Tứ Niệm Xứ. Quyển thứ hai giảng về Vô Sanh Tứ Niệm Xứ. Quyển thứ ba giảng về Vô Lượng Tứ Niệm Xứ. Quyển thứ tư giảng về Vô Tác Tứ Niệm Xứ. Bốn câu ấy là Tạng, Thông, Biệt, Viên. Tạng Giáo giảng Sanh Diệt, Thông Giáo giảng Vô Sanh, Biệt Giáo giảng Vô Lượng, Viên Giáo giảng Vô Tác.

Do đó, Tứ Niệm Xứ thông bốn giáo; Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Chánh Đạo thấy đều thông Tứ Giáo, Lục Độ, Vạn Hạnh cũng đều thông Tứ Giáo, pháp nào cũng viên thông. Không chỉ thông tứ giáo, mà còn thông pháp thế gian. Nếu chẳng thông pháp thế gian, người căn cơ viên đốn làm sao có thể “*thác sự phụ pháp*”? Người căn cơ viên đốn có thể thác sự phụ pháp là do Tứ Giáo Tứ Đế đều thông với pháp thế gian, chẳng có pháp nào không thông, pháp nào cũng viên dung. Điều này màu nhiệm không thể nghĩ bàn, nên gọi là “*đạo diệu*”. “*Thử tứ các xưng đương giáo chi lý*” (Bốn điều này, mỗi điều đều có thể gọi Lý của một giáo tương ứng): Sanh Diệt gọi là Lý của Tạng Giáo. Vô Sanh gọi là Lý của Thông Giáo. Vô Tác gọi là Lý của Viên Giáo, được gọi là “*như thật*”. Nhìn từ chỗ này, Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm xuyên suốt hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, há có thể coi nó là pháp Tiểu Thừa? Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm được nói trong pháp Tiểu Thừa là Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm Sanh Diệt.

“*Chư dĩ chứng nhập chánh vị giả*” (Những người đã chứng nhập chánh vị), các vị Bồ Tát trong bốn giáo, bất luận chứng địa vị nào, các nguyên lý ấy đều sử dụng được. Điều các Ngài ứng dụng và giáo pháp các Ngài đã học, quyết định tương ứng với lý luận. Tiểu Thừa tương ứng với Tạng Giáo. Đại Thừa Thông Giáo Bồ Tát tương ứng với lý luận của Thông Giáo. Biệt Giáo Bồ Tát tương ứng với lý luận của Biệt Giáo. “*Như thật giác huệ, dụng thử vi Chi, cố tri Căn Lực ký cố*” (Giác huệ như thật, dùng điều này làm Chi, nên biết là Căn và Lực đã kiên cố). “*Cố*” (固) là kiên cố, Ngũ Căn và Ngũ Lực khá kiên cố, “*hậu tu giác Huệ, hợp nghị tắc dụng*” (sau đó cần phải có giác huệ, hễ thích hợp bèn sử dụng). Khi ấy, trong vô lượng pháp môn, người ấy có thể chọn lựa chắc chắn một pháp môn, nhất định thành tựu pháp môn đó. Người mới học mờ mịt, pháp môn nhiều ngàn ấy, chẳng biết học pháp nào mới nên? Chẳng biết tu pháp nào mới tốt? Vẫn là tu đến già, mà vẫn chưa thể quyết trạch pháp môn, vô cùng khổ! Giống như quý vị ngồi thuyền trong biển cả, chẳng biết phương hướng, chẳng có mục tiêu, lênh đênh trong biển cả, đó là chuyện khổ sở. Căn Lực kiên cố, có thể chọn lựa phương hướng, chọn lựa mục tiêu, có thể tính ra khi nào sẽ đạt tới mục tiêu.

“*Y hậu thích giả*” (Giải thích theo thuyết sau). Trong lời Sớ về Thất Bồ Đề Phần đã nêu ra hai cách giải thích, Liên Trì đại sư chọn thuyết sau. “*Dĩ Thiên Thai sở thích, ý minh hiển cố*” (Do cách giải thích của ngài Thiên Thai ý nghĩa rõ ràng). Theo cách nói trước, pháp thứ nhất là Niệm; trong cách giảng sau, pháp thứ nhất là Trạch Pháp, tông Thiên Thai sử dụng cách nói sau, tông Hoa Nghiêm cũng dùng cách nói này. Cách nói này có ý nghĩa hết sức rõ rệt, xác đáng, lý giải dễ dàng. “*Hựu Hoa Nghiêm Sớ, diệc dĩ Trạch Pháp vi tự thể, dư phần vi phân cố*” (Lại nữa, Hoa Nghiêm Sớ cũng lấy Trạch Pháp làm tự thể, các phần khác phát sinh từ đó): Nói rõ, tổ sư tông Hoa Nghiêm và tổ sư tông Thiên Thai có cách nhìn nhất trí, chọn lựa cách nói theo thuyết sau. Do đó, Liên Trì đại sư cũng tuân theo sự quyết trạch của cổ đức, chọn lấy cách nói sau.

(Sao) Nhất Trạch Pháp giả, quán chư pháp thời, thiện năng giác liễu, giản biệt chân ngụy cố.

(鈔) 一擇法者，觀諸法時，善能覺了，揀別真偽故。

(Sao: Một là Trạch Pháp, khi quán các pháp, có thể khéo giác liễu, phân biệt chân và ngụy).

Điều này bao hàm ý nghĩa hết sức rộng rãi. Trong nguyên tắc Trạch Pháp (Dharma-vicaya), điều rất trọng yếu là “*hợp nghị tắc dụng*” (hễ thích

hợp bèn sử dụng), tiêu chuẩn của sự thích hợp là phù hợp với pháp môn chính mình đang tu. Do vậy, có thể biết, phạm vi của Trạch Pháp rất rộng. Trong cuộc sống, ăn, mặc, ở, đi, trong xã hội, chúng ta chọn lựa nghề nghiệp. Đã chọn vững nghề nghiệp rồi, chúng ta dùng phương pháp gì để lo liệu? Đều là Trạch Pháp, không phải chỉ là chọn lựa pháp môn nào trong tám vạn bốn ngàn pháp môn để tu hành, đương nhiên đó cũng là Trạch Pháp. Quý vị mới biết sau khi học Phật pháp, đúng là học đến mức hữu dụng thì học xong bèn dùng được ngay. Học mà chẳng thể áp dụng trong cuộc sống, sở học ấy vô dụng, chúng ta học những thứ ấy để làm gì? Chẳng có tác dụng! Học rồi lập tức sử dụng được, điều này có giá trị, có ý nghĩa.

Nêu tỷ dụ để nói, nay chúng ta tu Tịnh Độ Tông. Mục tiêu gần của Tịnh Độ Tông là tâm địa thanh tịnh, mục tiêu xa là cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Mục tiêu gần và mục tiêu xa tương ứng. Tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh. Trong cuộc sống, chúng ta từ sáng đến tối, ăn, mặc, ở, đi lại, nếu tương ứng với tâm thanh tịnh của chúng ta, chúng ta liền chọn pháp ấy. Tương ứng với tâm thanh tịnh, tương ứng với tín, nguyện, hạnh, như vậy là chẳng sai. Bất luận trong cuộc sống, trong sự nghiệp, trong xử thế, quý vị liền biết chúng ta phải chọn lựa như thế nào. Đương nhiên quan trọng nhất, căn bản nhất là quyết trạch pháp môn Tịnh Độ trong tám vạn bốn ngàn pháp môn. Pháp môn Tịnh Độ rất khó được, chúng ta chọn lựa pháp môn Trì Danh Niệm Phật, đó là pháp được chúng ta quyết trạch. Sau đây, hết thảy trong cuộc sống đều tương ứng với pháp môn ấy, biến tất cả hết thảy các pháp đều thành Tăng Thượng Duyên để tu tịnh nghiệp, đó là “*biết trạch pháp*”. Tôi lại nói cụ thể một chút, trong hết thảy các pháp, đương nhiên chúng ta đặc biệt nói tới pháp thế gian, kể cả Phật pháp, nhất định phải khuất phục tham, sân, si, mạn, phiền não, vọng tưởng, tri kiến. Trong phương diện cuộc sống, vừa đúng mức bèn thôi, biết đủ thường vui, vì sao? Tâm chúng ta mới có thể giữ gìn thanh tịnh. Nếu không, tham dục tăng trưởng, làm sao tâm quý vị có thể thanh tịnh cho được? Quyết định chớ nên để cho tham, sân, si, mạn tăng trưởng.

Những vị đại đức thời cổ, xuất gia, tại gia đã nêu gương rất nhiều. Cuộc sống của họ rất giàu có, vì sao bỏ sạch? Chính Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu gương cho chúng ta thấy, Ngài là vương tử, từ bỏ phú quý, phú là của cải, quý là địa vị, chẳng cần ngôi vua, chẳng cần của cải, đến chỗ không người lui tới trong Tuyết Sơn để tu khổ hạnh, biết đủ thường vui. Đó là gương mẫu, khuôn phép cho chúng ta. Ở Trung Quốc, hàng xuất gia chẳng cần nói tới, trong hàng cư sĩ tại gia có nhiều vị đem của cải của chính mình quỳn tặng hết để làm chuyện từ thiện, chính mình suốt

đời sống cuộc đời kham khổ, chẳng có tâm tham. Tham là phiền não căn bản bậc nhất; chẳng tham sẽ không ngu si. Chẳng tham, sẽ chẳng có tâm sân khuê. Do tham không được nên mới sanh tâm sân khuê. Nếu tham được, sẽ không sanh sân khuê. Vì thế, người ta nghiêm túc giữ cho tâm địa thanh tịnh, vứt bỏ những ngoại duyên ấy. Vô tham, vô sân, vô si là ba thiện căn; người ấy tu ba thiện căn, hết thấy thiện pháp thế gian và xuất thế gian đều sanh từ các căn ấy. Phước báo nhường cho chúng sanh hưởng, sung sướng lắm! Phước chẳng phải để riêng mình hưởng, mà dành cho hết thấy chúng sanh cùng chung hưởng. Giác Phần, tức Bồ Đề Phần là trí huệ chân thật. Kẻ chẳng có trí huệ, phước báo để riêng mình hưởng, chẳng chia sẻ với người khác. Chỉ có người thật sự giác ngộ, người thật sự có trí huệ, để cho chúng sanh chung hưởng phước báo, chính mình chẳng hưởng, vì sao? Tự và tha như một, để cho chúng sanh hưởng mới là chính mình thật sự hưởng thụ.

Phàm phu mê, chấp trước, vạch giới hạn giữa chính mình và người khác, chẳng biết tự và tha chẳng hai, chẳng biết vạn pháp như một. Đương nhiên đây là trí huệ cao cấp, trí huệ quá sâu. Trong Tứ Giáo, chỉ có người căn tánh Viên Giáo biết, Biệt Giáo vẫn chưa được! Nói theo công phu đoạn chứng, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Biệt Giáo là Sơ Địa Bồ Tát, Viên Giáo là Sơ Trụ Bồ Tát. Tuy công phu đoạn chứng như nhau, nhưng trí huệ khác nhau. Trí huệ của Biệt Giáo Sơ Địa Bồ Tát kém Viên Giáo Sơ Trụ rất xa, do nguyên nhân nào? Người căn tánh Viên Giáo “đại nhi hóa chi”¹, vạn vật trong trời đất và chính mình là một, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, tâm khai ý giải. Biệt Giáo ít nhiều còn có chút dấu vết, chẳng thể trừ sạch. Chúng ta thường nói là “*tập khí chưa đoạn*”. Tuy chẳng có giới hạn, nhưng tập khí chưa đoạn. Kinh Kim Cang gọi giới hạn ấy là “*tứ tướng*”, tức ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng và thọ giả tướng. Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát, tập khí tứ tướng và tứ kiến đều chẳng có; Biệt Giáo Sơ Địa Bồ Tát đã phá tứ tướng, và tứ kiến, nhưng còn có tập khí.

Do vậy, có thể biết, căn tánh viên đôn đáng quý. Đương nhiên điều này có liên quan đến sự tu trì trong nhiều đời nhiều kiếp của chính mình, đó là Nhân. Trong một đời này, có thể thường xuyên tiếp nhận kinh điển Đại Thừa, huân tập kinh điển Viên Giáo, mối quan hệ này cũng rất lớn.

¹ Đây là một thành ngữ trích từ câu nói “*đại nhi hóa chi, vị Thánh*” trong thiên Tận Tâm Hạ sách Mạnh Tử. Các nhà chú giải thường giải thích câu này có nghĩa là phẩm đức, phẩm hạnh to tát, tốt đẹp rạng rỡ, khiến cho người chung quanh cho đến khắp thiên hạ đều bị cảm hóa; người như vậy đáng gọi là bậc Thánh.

Đó là Duyên. Kinh điển Viên Giáo, kinh Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ là viên nhất trong các pháp viên, đốn nhất trong các pháp đốn. Quý vị thấy trong sách Chú Giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, cụ đã trích dẫn sự phán giáo của cổ đại đức đối với kinh này. Cổ đức nói: *“Nếu so sánh giữa hết thấy các pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, chỉ có Hoa Nghiêm là chân thật nhất, những kinh khác chẳng chân thật bằng Hoa Nghiêm. So sánh kinh Hoa Nghiêm và kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ chân thật nhất, kinh Hoa Nghiêm kém hơn. Lại so sánh trong kinh Vô Lượng Thọ, bốn mươi tám nguyện là chân thật nhất. Nếu so sánh mỗi điều trong bốn mươi tám nguyện, nguyện thứ mười tám chân thật nhất”*. Cổ nhân đã so đi sánh lại, so sánh đến cuối cùng, nguyện thứ mười tám là chân thật nhất trong các thứ chân thật. Do đó, đây là Viên Giáo trong Viên Giáo, Đại Thừa trong Đại Thừa, Nhất Thừa giữa Nhất Thừa, thật sự chẳng dễ gì gặp gỡ!

Chư vị phải biết: Quý vị niệm một bộ kinh Vô Lượng Thọ này, tức là niệm toàn bộ những kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm, chẳng sót một bộ nào. Không chỉ là các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, mà các kinh do mười phương ba đời hết thấy chư Phật đã nói, quý vị cũng đều đọc hết. Đúng như kinh Hoa Nghiêm đã nói: *“Một tức là hết thấy”*. Kinh Vô Lượng Thọ là hết thấy các kinh. *“Hết thấy chính là một”*, hết thấy các kinh quy nạp đến cuối cùng là bộ kinh này. Lũ chúng sanh chúng ta trong đời này, tuy rất khổ, khổ hơn bất cứ thời đại nào, nhưng chúng sanh càng khổ nạn, Phật, Bồ Tát đại từ đại bi đặc biệt chiếu cố chúng ta, khiến cho chúng ta có thể nghe được vô thượng bảo điển viên mãn rốt ráo này, đó là sự hiển thị thật sự đại từ đại bi của chư Phật, Bồ Tát. Nếu không, làm sao chúng ta có thể gặp gỡ [pháp môn này và kinh điển Tịnh Độ] cho được? Làm sao có thể gặp gỡ viên mãn như vậy được? Cư sĩ Hạ Liên Cư là Phật, Bồ Tát tái lai. Nếu cụ chẳng hội tập lần nữa, tu chỉnh kinh này, biên tập thành bản này, nói thật thà, chúng ta cũng chẳng muốn đọc năm bản dịch gốc, [vì các bản dịch ấy] không trôi chảy, đọc rất trúc trắc, đúng như Mai lão cư sĩ đã nói: *“Bản dịch không hay lắm”*. Hơn một ngàn năm qua, người ta thường chẳng chuộng đọc kinh này.

Mọi người niệm kinh A Di Đà, đối với kinh A Di Đà còn niệm bản dịch của ngài Cưu Ma La Thập, chẳng niệm bản dịch của ngài Huyền Trang. Đọc bản dịch của ngài Huyền Trang sẽ cảm thấy có chỗ trúc trắc, chẳng lưu loát như bản dịch của ngài La Thập. Điều này được gọi là “khế cơ”, bản dịch của ngài La Thập khế cơ. Bản hội tập do lão cư sĩ Hạ Liên

Cư biên soạn cũng khế cơ, khiến cho kinh Vô Lượng Thọ từ nay trở đi có thể lưu thông không trở ngại, chúng sanh khổ nạn trong thời kỳ Mạt Pháp đạt được lợi ích chân thật nơi Phật pháp. Kinh Di Đà được Liên Trì đại sư soạn Sớ Sao, Ngẫu Ích đại sư soạn Yếu Giải, những nghĩa lý rất sâu, cảnh giới viên mãn đã bao hàm trong bộ kinh này đều được nêu rõ trước mắt chúng ta. Nay chúng ta có thể đọc, có thể cùng nhau nghiên cứu tu học, phước báo ấy không chỉ cổ nhân, mà thậm chí mười phương chúng sanh đều hâm mộ, họ cầu còn không được. Pháp hội này thù thắng khôn sánh, hiếm có khôn sánh, chúng ta hãy nên quý trọng. Nghiêm túc tu học pháp môn này, quý vị sẽ có con mắt Trạch Pháp. Quý vị có con mắt Trạch Pháp, thì nói cách khác, Căn và Lực của quý vị tự nhiên thành tựu. Quý vị chẳng có Căn và Lực, làm sao có thể có con mắt Trạch Pháp cho được? Chỉ có Căn và Lực kiên cố thì quý vị mới có con mắt Trạch Pháp.

Chư vị đồng tu, giảng đường thành lập đến năm nay là mười năm. Trong mười năm có rất nhiều vị đồng tu đã lâu vẫn nghe kinh ở đây, vẫn nghe tôi giảng cho tới hiện thời. Quý vị hãy nghĩ xem, khi nào tôi nhận mệnh Tịnh Tông như vậy? Quý vị liền hiểu rõ, trong quá khứ, khi tôi bắt đầu đến Đài Bắc giảng kinh, có Ngũ Căn, nhưng chẳng có Ngũ Lực, dần dần có Lực, nhưng Lực vẫn chẳng kiên cố! Đến hai năm nay, buông xuống hết thầy các kinh luận Đại Thừa, chuyên giảng Tịnh Độ Ngũ Kinh và Vãng Sanh Luận, đó là Trạch Pháp. Chẳng còn bị dao động bởi những bộ Đại Kinh khác nữa. Quý vị mời tôi, tôi đề cử người khác: “Hãy thỉnh pháp sư khác hoặc đại đức khác giảng cho quý vị, tôi chẳng giảng”. Nhiều năm gần đây, tình hình dần dần tiến bộ, các đồng tu hãy nên thể nghiệm. Hôm nay chúng tôi giảng đến chỗ này!